TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/DS-PT

Ngày: 29/10/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quản

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phúc

Ông Đặng Văn Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Nguyễn Thị Hằng, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 189/2019/QĐ-PT ngày 19/9/2019 (quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm ngày 08/10/2019) của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Q, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 105/29 Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn Khánh, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phú Thủy, thành phố P, Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Đoàn D, sinh năm 1957, Ông Trương H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 504 Trần Hưng Đạo, khu phố 1, phường Đức Long, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hiếu: Bà Đoàn D.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức Quang.

Địa chỉ: Số 04, đường số 12, khu dân cư Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố H.

Người kháng cáo: Ông Trương H, bà Đoàn D.

Tại phiên tòa có mặt ông Khánh, bà Dung, vắng mặt các đương sự khác.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ông Lương Q đã nhiều lần cho vợ chồng ông Trương H và bà Đoàn D vay tiền, cụ thể là:

Hợp đồng ngày 11/6/2010 cho vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 3%/tháng;

Hợp đồng ngày 25/6/2010 cho vay 2.600.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 3%/tháng;

Hợp đồng ngày 01/7/2010 cho vay 8.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 3%/tháng.

Tổng số tiền ông Bảo cho ông Hiếu và bà Dung vay là 11.100.000.000 đồng (mười một tỷ, một trăm triệu đồng). Tất cả các hợp đồng vay tiền trên đều được ký kết tại Phòng Công chứng P, Bình Thuận.

Thời gian qua, mặc dù ông Bảo đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông Hiếu, bà Dung vẫn chưa trả số tiền đã vay và tiền lãi cho ông Bảo.

Nguyên đơn yêu cầu ông Hiếu, bà Dung phải trả 11.100.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/7/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,75%/tháng.

Bị đơn bà Đoàn D trình bày:

Tại bản tự khai và các phiên hòa giải bà Đoàn D và ông Trương H thừa nhận có ký kết các hợp đồng vay tiền của ông Lương Q với nội dung như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, ông Hiếu và bà Dung khai không trực tiếp nhận tiền từ ông Bảo giao mà nhận qua ông Nguyễn Đức Quang là người giới thiệu ông Bảo cho bà Dung và ông Hiếu vay tiền. Việc vay tiền thông qua ông Nguyễn Đức Quang cụ thể như sau: Do thiếu nguồn vốn để đầu tư xây dựng hoàn thiện dự án Trường mầm non - Trường tiểu học Thanh Nguyên, cuối năm 2009, bà được ông Quang giới thiệu và hứa giúp Công ty TNHH Thanh Nguyên vay vốn ưu đãi ODA với thời gian sớm nhất 03 tháng. Trong thời gian chờ duyệt vốn vay, ông Quang sẽ huy động từ những người trong công ty của ông cho bà vay lại nhưng tính lãi suất cao 12%/tháng và 10% phí dịch vụ. Khi vay được vốn ưu đãi, vợ chồng bà phải hoàn trả.

Sau đó ông Quang đưa bà đến gặp ông Bảo, ông Giang, ông Đô là những người sẽ đưa tiền cho ông Quang để ông Quang cho vợ chồng bà vay.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Quang yêu cầu vợ chồng bà phải thực hiện các hình thức: Thế chấp tài sản để vay 1.800.000.000; ký hợp đồng vay tiền có công chứng (vợ chồng bà đã ký các hợp đồng vay tiền với ông Lương Q 03 hợp đồng nêu trên, đồng thời vợ chồng bà cũng ký kết các hợp đồng vay tiền với ông Quang và ông Đô); đưa những người cho vay vào thành viên công ty Thanh Nguyên. Toàn bộ

việc giao, nhận, trả tiền của các bên đều giao cho ông Quang đảm nhiệm.

Sau khi thực hiện các hình thức bảo đảm tiền vay nêu trên, ông Đô, ông Bảo giao tiền cho ông Quang (số tiền này các ông giao cho ông Quang mỗi đợt bao nhiêu bà không biết). Sau đó ông Quang mới chuyển tiền cho bà nhiều đợt (qua ngân hàng và tiền mặt). Tuy thể hiện qua các hợp đồng để bảo đảm tiền vay tổng cộng là 32 tỷ 400 triệu đồng (trong đó thế chấp tài sản 1,8 tỷ đồng, ký các hợp đồng vay 30,6 tỷ đồng), nhưng thực tế vợ chồng bà chỉ nhận tiền của ông Quang giao nhiều đợt tổng cộng là 24.044.860.000 đồng. Mỗi đợt chuyển, giao tiền cho bà, ông Quang đều tính số tiền mới giao cộng thêm tiền dịch vụ 10%, tiền lãi 12% của đợt tính gộp trước, thành số tiền vay mới và buộc bà xác nhận là tiền vay cho Công ty.

Ngày 21/01/2011, vợ chồng bà vay của Ngân hàng VPBank 20 tỷ đồng và lập tức chuyển khoản trả cho ông Quang 15 tỷ đồng và sau đó trả thêm cho ông Quang 1.415.000.000 đồng. Tổng cộng bà đã giao cho ông Quang 16.415.000.000 đồng. Số tiền bà thực nhận từ ông Quang là 24.044.860.000 đồng trừ đi số tiền bà đã trả cho ông Quang là 16.415.000.000 đồng, bà chỉ còn nợ 7.629.860.000 đồng. Ngoài số tiền này, vợ chồng bà cũng như Công ty Thanh Nguyên không còn nợ bất kỳ khoản nào khác. Trong khi đó ông Bảo, ông Giang còn giữ của vợ chồng bà 02 tài sản thế chấp trị giá gần 15 tỷ đồng.

Bà Dung cho rằng không có việc giao nhận tiền và làm giấy biên nhận 08 tỷ đồng giữa vợ chồng bà và ông Bảo. Tại hợp đồng vay số tiền 2.600.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng mà bà đang lưu giữ không có chữ viết "Đã nhận đủ tiền". Bà không thừa nhận đã nhận tiền vay từ ông Bảo. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Hiếu, bà Dung phải trả cho ông Bảo số tiền vay là 11.100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2010 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,75%/tháng, ông Hiếu, bà Dung không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Quang trình bày:

Ông Quang chỉ biết ông Lương Q có cho vợ chồng ông Trương H và bà Đoàn D vay tiền. Việc vay mượn có lập thành hợp đồng và được công chứng. Tuy nhiên, cách thức trả nợ, mức lãi suất, thời hạn vay cũng như hình thức giao tiền như thế nào thì ông không biết và không có liên quan. Việc bị đơn khai ông Quang là người trung gian nhận tiền của ông Bảo rồi đưa cho bà Dung vay là không đúng. Việc bà Dung chuyển khoản cho ông số tiền 15 tỷ đồng từ tiền vay của Ngân hàng là để ông trả bớt cho các nhà đầu tư vào trường Thanh Nguyên chứ không phải để trả cho cá nhân ông Bảo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2013/DSST ngày 07/10/2013, Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

Buộc bà Đoàn D và ông Trương H phải trả cho ông Lương Q tổng số tiền đã vay là 11.100.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.253.475.000đ. Tổng cộng là 14.353.475.000đ.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về án phí, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 92/2014/DS-PT ngày 03/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2013/DSST ngày 07/10/2013 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Buộc bà Đoàn D và ông Trương H phải trả cho ông Lương Q tổng số tiền đã vay là 11.100.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.253.475.000đ. Tổng cộng là 14.353.475.000đ.

Ngoài ra Tòa án cấp phúc thẩm còn giải quyết về án phí, lãi suất chậm trả, chi phí giám định, quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi thi hành án.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 139/2018/DS-GĐT ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố H quyết định:

1. Chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố H.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2014/DS-PT ngày 03/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận; Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 35/2013/DS-ST ngày 07/10/2013 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận về vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn là ông Lương Q và bị đơn là ông Trương H, bà Đoàn D.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tòa án nhân dân thành phố P đã thụ lý và giải quyết lại vụ án.

Ngày 25/3/2019, Tòa án nhân dân thành phố P đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 01/2019/DS-ST (Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2019/QĐ-SCBSBA ngày 08/4/2019 và số 02/2019/QĐ-SCBSBA ngày 09/4/2019) quyết định:

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 468, Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Q.

Buộc ông Trương H và bà Đoàn D phải trả cho ông Lương Q tổng số tiền 19.813.500.000 (trong đó bao gồm 11.100.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi tính đến ngày 25/3/2019 là 8.713.500.000 đồng).

Án phí: Ông Lương Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lương Q số tiền 63.546.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0020841 do Chi cục thi hành án dân dự thành phố P thu ngày 28/6/2018.

Ông Trương H và bà Đoàn D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho bà Đoàn D số tiền 200.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000290 ngày 18/10/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án.

Ngày 31/7/2019, bà Đoàn D và ông Trương H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định, người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; về nội dung: Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2010 cho vay 500.000.000 đồng, nguyên đơn chỉ xuất trình hợp đồng vay tiền, không có chứng cứ nào thể hiện nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền này nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 500 triệu đồng và tiền lãi phát sinh là không có cơ sở chấp nhận. Hợp đồng ngày 25/6/2010 cho vay 2.600.000.000 đồng, bà Dung có viết thêm "đã nhận đủ số tiền"; hợp đồng ngày 01/7/2010 cho vay 8.000.000.000 đồng, nguyên đơn đã xuất trình biên bản giao nhận tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, mặc dù bà Dung không thừa nhận chữ ký, chữ viết của bà nhưng Tòa án hai cấp đã tiến hành giám định đúng chữ viết, chữ ký của bà Dung. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Dung, ông Hiếu phải trả tiền gốc của hai hợp đồng này là 10.600.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,75%/tháng là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đoàn D, ông Trương H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố P, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Q như phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ lời khai của đương sự, kết quả tranh luận và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt đương sự.

Ông Nguyễn Đức Quang vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Quang có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Đức Quang.

[2] Về số tiền vay giữa nguyên đơn và bị đơn.

Ông Trương H, bà Đoàn D thừa nhận ông bà có ký 03 hợp đồng vay tiền với ông Lương Q, cụ thể: Hợp đồng ngày 11/6/2010 vay 500.000.000 đồng, Hợp đồng ngày 25/6/2010 vay 2.600.000.000 đồng và Hợp đồng ngày 01/7/2010 vay 8.000.000.000 đồng. Cả 03 hợp đồng vay tiền nêu trên đều được công chứng tại văn phòng công chứng P.

Bà Dung không thừa nhận đã nhận số tiền vay theo ba hợp đồng nêu trên từ ông Lương Q, bà Dung cho rằng bà có nhận tiền vay của ông Bảo thông qua ông Quang, ông Quang là người chuyển tiền cho bà bằng tiền mặt và chuyển khoản, tổng số tiền ông Quang chuyển cho bà là 24.044.860.000 đồng, là các khoản vay của ông Bảo, ông Quang và ông Đô, bà không thể xác định được trong tổng số tiền mà ông Quang chuyển cho bà trong đó có bao nhiêu là tiền vay của ông Bảo. Tại bản tự khai ngày 09/4/2013, biên bản đối chất ngày 13/5/2013, biên bản lấy lời khai ngày

22/02/2019, ông Nguyễn Đức Quang khai việc vay mượn tiền giữa vợ chồng bà Dung, ông Hiếu và ông Bảo không liên quan đến ông.

Nguyên đơn cho rằng sau ký các hợp đồng vay tiền nêu trên, ông Bảo đã trực tiếp chuyển tiền cho bà Dung. Ông Bảo đưa ra các chứng cứ là Hợp đồng ngày 25/6/2010 vay 2.600.000.000 đồng, bà Dung đã ghi nội dung "Đã nhận đủ số tiền"; Giấy biên nhận vào ngày 05/07/2010 thể hiện việc bà Dung và ông Hiếu đã nhận đủ số tiền 8.000.000.000đ. Trong đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa, bà Dung đều cho rằng các chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là giả tạo nhưng Tòa án hai cấp đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bà Dung, ông Hiếu.

Kết luận giám định số 668/KLGĐ-PC09 ngày 13/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận đã thể hiện chữ viết có nội dung "Đã nhận đủ số tiền" trên hợp đồng vay tiền ngày 25/6/2010 là do bà Đoàn D viết.

Tại kết luận giám định số 139/KLGĐ-PC54 ngày 03/7/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận đã thể hiện bà Dung và ông Hiếu đã ký vào giấy biên nhận đề ngày 05/7/2010.

Đối với hợp đồng ngày 11/6/2010 số tiền vay 500.000.000đ, mặc dù nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng minh việc nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền này vì nguyên đơn cho rằng giấy tờ đã bị thất lạc. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 15/01/2013, bà Dung thừa nhận: "*Vợ chồng tôi thừa nhận có vay của ông Lương Q số tiền gốc 11.100.000.000đ (mười một tỷ một trăm triệu đồng) với lãi suất 3%/tháng theo các hợp đồng vay vào các ngày 11/6/2010; 25/6/2010 và 01/7/2010 như nguyên đơn trình bày là đúng. Số tiền mà vợ chồng tôi vay như trên là qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Đức Quang. Vợ chồng tôi cũng nhận số tiền này*".

Như vậy, với các chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra cũng như sự thừa nhận của bị đơn bà Đoàn D, có đủ căn cứ để khẳng định vợ chồng bà Đoàn D, ông Trương H đã vay của ông Lương Q theo 3 hợp đồng nêu trên với tổng số tiền là 11.100.000.000đ.

[3] Về số tiền bị đơn thanh toán cho nguyên đơn.

Bà Đoàn D cho rằng ngày 21/01/2011, bà vay của Ngân hàng VPBank 20 tỷ đồng và lập tức chuyển khoản trả cho ông Quang 15 tỷ đồng và sau đó trả thêm cho ông Quang 1.415.000.000 đồng. Tổng cộng đã giao cho ông Quang 16.415.000.000 đồng, số tiền bà chuyển cho ông Quang là để ông Quang trả tiền cho những cá nhân mà bà đã vay tiền theo các hợp đồng trước đây, trong đó có ông Lương Q. Nhưng bà Dung cũng không xác định được bà trả cho ông Bảo bao nhiêu tiền trong tổng số tiền bà chuyển cho ông Quang. Bà Dung cung cấp bản phô tô biên bản cuộc họp đề ngày 17/01/2011 tại văn phòng công ty TNHH TM DV DL Vinh Quang về việc giải ngân số tiền 20 tỷ đồng. Bà Dung cho rằng biên bản này đã thể hiện rõ nội dung ông Lương Q đã được chia 3.118.313.000đ trong tổng số tiền bà chuyển cho ông Quang để ông Quang trả nợ. Tại bản tự khai ngày 09/4/2013; Biên bản đối chất ngày 13/5/2013 giữa đại diện theo ủy quyền của ông Lương Q, ông Nguyễn Đức Quang, bà Đoàn D và ông Nguyễn Thành Đô cũng như biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2019 ông Quang thừa nhận có việc bà Dung chuyển khoản cho ông số tiền 15 tỷ đồng từ tiền vay của Ngân hàng nhưng đây là khoản tiền để ông trả bớt cho các nhà đầu tư vào Trường Thanh Nguyên chứ không phải để trả cho cá nhân ông Lương

Q. Ông Lương Q không thừa nhận bà Dung đã trả cho ông tiền vay từ các hợp đồng nêu trên.

Như vậy, bà Dung khai đã trả tiền cho ông Bảo thông qua ông Quang, nhưng bà không xác định được bà đã trả cho ông Bảo bao nhiêu tiền trong tổng số tiền bà đã chuyển cho ông Quang. Cả ông Bảo và ông Quang đều không thừa nhận bà Dung đã trả tiền cho ông Bảo. Chứng cứ mà bà Dung đưa ra là bản phôtô biên bản cuộc họp đề ngày 17/01/2011 tại văn phòng công ty TNHH TM DV DL Vinh Quang về việc giải ngân số tiền 20 tỷ đồng không đủ căn cứ để khẳng định bà Dung đã trả tiền vay cho ông Bảo theo các hợp đồng vay tiền ký kết giữa hai bên vì về hình thức biên bản trên chỉ là bản phô tô và về nội dung là phân chia số tiền 13 tỷ đồng theo tỷ lệ chứ không phải 15 tỷ đồng; bà Dung khai khoản vay của ông Bảo là khoản vay của vợ chồng bà (vay cá nhân), nhưng tài liệu mà bà cung cấp và bà khai Công ty TNHH Thanh Nguyên chuyển 15 tỷ đồng cho ông Quang chứ không phải tư cách cá nhân của bà. Hơn nữa, trong tài liệu mà bà Dung cung cấp thể hiện tất cả các thành viên Công ty Vinh Quang cùng thống nhất chấp thuận việc vay mượn của Ngân hàng VP Bank số tiền là 20 tỷ đồng, trừ vào Trường tiểu học Thanh Nguyên 7 tỷ đồng, còn 13 tỷ đồng chia theo tỷ lệ; không có nội dung nào thể hiện đây là số tiền bà Dung chuyển trả nợ theo các hợp đồng vay tài sản.

Như vậy, ông Bảo đã cho vợ chồng bà Dung vay 11.100.000.000đ, không có tài liệu nào chứng minh bà Dung, ông Hiếu đã trả số tiền nêu trên cho ông Bảo nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Hiếu, bà Dung phải trả cho ông Bảo 11.100.000.000đ tiền gốc là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn về nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

Về số tiền bà Dung khai đã chuyển cho ông Quang thì đây là quan hệ giữa vợ chồng bà Dung, ông Hiếu (hoặc Công ty TNHH Thanh Nguyên) với ông Quang, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[4] Về tiền lãi.

Hợp đồng vay tiền giữa ông Lương Q và bà Hoàng D, ông Trương H được giao kết vào ngày 11/6/2010, ngày 25/6/2010 và ngày 01/7/2010, các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng. Đến nay, bị đơn chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho nguyên đơn. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn chưa thực hiện xong, lãi suất các bên thỏa thuận không phù hợp với lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật dân sự 2005. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,75%/tháng (9%/năm, bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố) là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Thời điểm tính lãi suất từ ngày 05/7/2010 (ngày bị đơn viết giấy biên nhận) đến ngày 25/3/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 104 tháng 20 ngày): 11.100.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 104 tháng 20 ngày = 8.713.500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 19.813.500.000đ (gồm 11.100.000.000đ tiền gốc và 8.713.500.000 đồng tiền lãi) là có cơ sở. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng.

Án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Trương H và bà Đoàn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Trương H sinh năm 1958 và bà Đoàn D, sinh năm 1957 (trên 60 tuổi), ngày 21/3/2019 bà Dung có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử, xét miễn toàn bộ tiền án phí cho bị đơn. Đối với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm lần thứ nhất mà cơ quan thi hành án dân sự thành phố P đã chuyển thành án phí dân sự phúc thẩm (lần 1) sẽ được hoàn trả cho bà Đoàn D.

Chi phí tố tụng: Tại Tòa án cấp phúc thẩm (lần một và lần hai), bà Đoàn D có yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà. Kết luận giám định đúng là chữ ký, chữ viết của bà Dung, ông Hiếu trên các tài liệu cần giám định nên căn cứ khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Dung phải chịu chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương H, bà Đoàn D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 của thành phố P.

Áp dụng: Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 468, Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/20l6/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Buộc ông Trương H và bà Đoàn D phải trả cho ông Lương Q tổng số tiền 19.813.500.000 đồng (trong đó bao gồm 11.100.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi tính đến ngày 25/3/2019 là 8.713.500.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Ông Lương Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lương Q số tiền 63.546.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0020841 do Chi cục thi hành án dân dự thành phố P ngày 28/6/2018.

Ông Trương H và bà Đoàn D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đoàn D số tiền 200.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000290 ngày 18/10/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Bà Đoàn D phải chịu chi phí trưng cầu giám định là 2.250.000đ (giám định lần một) và 3.060.000 đồng (giám định lần hai). Bà Đoàn D đã nộp đủ số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN	**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **THẨM PHÁN**
Nguyễn Phúc **Đặng Văn Cường**	**Nguyễn Văn Quản**

Nơi nhận:
-TANDTC;
-VKSND tỉnh Bình Thuận;
-TAND Tp P;
-THADS Tp P;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quản

THẨM PHÁN		CHỦ TỌA PHIÊN TÒA THẨM PHÁN
Nguyễn Phúc	**Đặng Văn Cường**	**Nguyễn Văn Quản**

Nơi nhận:
-TANDTC;
-VKSND tỉnh Bình Thuận;
-TAND huyện Bắc Bình;
-THADS huyện Bắc Bình;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiệp Hòa

THẨM PHÁN		**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **THẨM PHÁN**
NGUYỄN THỊ LAN HÒA	**LÊ THỊ THANH THÁI**	**NGUYỄN THỊ HIỆP**

Nơi nhận:
-TANDTC;
-VKSND tỉnh Bình Thuận;
-TAND huyện Bắc Bình;
-THADS huyện Bắc Bình;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HIỆP HÒA

THẨM PHÁN		CHỦ TỌA PHIÊN TÒA THẨM PHÁN
NGUYỄN THỊ LỘC	**HỒ THỊ HỒNG**	**NGUYỄN THỊ HIỆP HÒA**

Nơi nhận:
-TANDTC;
-VKSND tỉnh Bình Thuận;
-TAND huyện Tánh Linh;
-THADS huyện Tánh Linh;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HIỆP HÒA